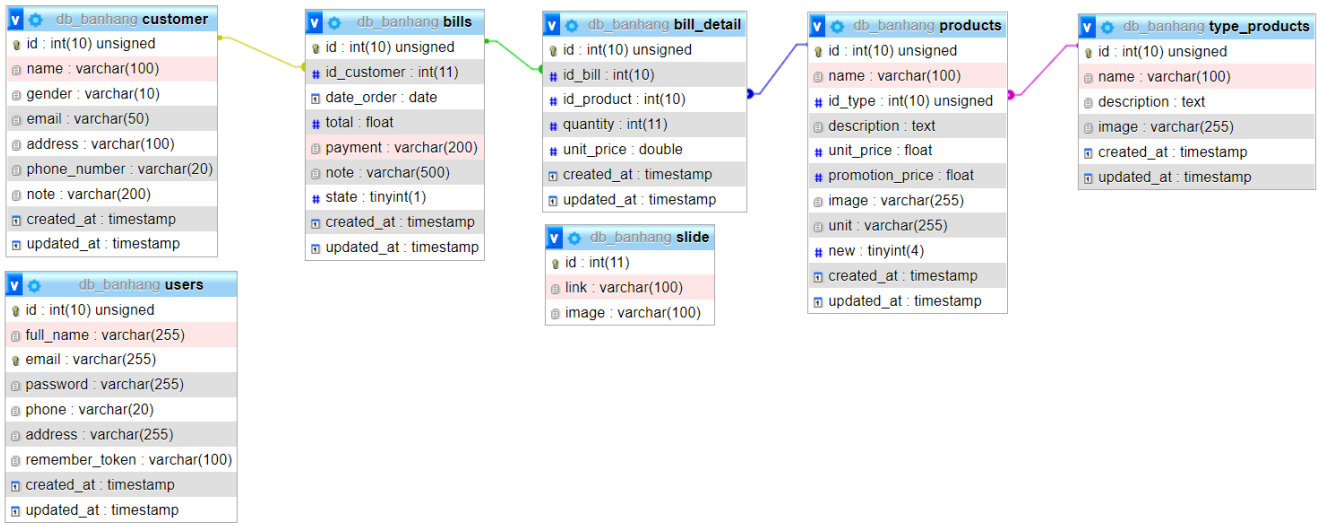


TẠO CSDL CHO ĐỒ ÁN

1/ Mô Hình quan hệ dữ liệu



2/ Cấu trúc các bảng dữ liệu

Bảng Customer – Lưu thông tin của khách hàng, mỗi khách hàng có một mã khách hàng (id) để phân biệt duy nhất với các khách hàng khác trong bảng.

#	Tên	Kiểu	Bảng mã đối chiếu	Thuộc tính	Null	Mặc định	Ghi chú	Thêm
1	id 🗝️	int(10)		UNSIGNED	Không	Không		AUTO_INCREMENT
2	name	varchar(100)	utf8_unicode_ci		Không	Không		
3	gender	varchar(10)	utf8_unicode_ci		Không	Không		
4	email	varchar(50)	utf8_unicode_ci		Không	Không		
5	address	varchar(100)	utf8_unicode_ci		Không	Không		
6	phone_number	varchar(20)	utf8_unicode_ci		Không	Không		
7	note	varchar(200)	utf8_unicode_ci		Không	Không		
8	created_at	timestamp			Không	current_timestamp()		ON UPDATE CURRENT_TIMESTAMP()
9	updated_at	timestamp			Không	current_timestamp()		

Bảng Bills – Lưu thông tin đơn đặt hàng, mỗi đơn đặt hàng có mã số đặt hàng (id) để phân biệt duy nhất với các đơn hàng khác trong bảng.

#	Tên	Kiểu	Bảng mã đối chiếu	Thuộc tính	Null	Mặc định	Ghi chú	Thêm
1	id 🗝️	int(10)		UNSIGNED	Không	Không		AUTO_INCREMENT
2	id_customer 🗝️	int(11)			Có	NULL		
3	date_order	date			Có	NULL		
4	total	float			Có	NULL	tổng tiền	
5	payment	varchar(200)	utf8_unicode_ci		Có	NULL	hình thức thanh toán	
6	note	varchar(500)	utf8_unicode_ci		Có	NULL		
7	state	tinyint(1)			Không	Không		
8	created_at	timestamp			Có	current_timestamp()		ON UPDATE CURRENT_TIMESTAMP()
9	updated_at	timestamp			Có	current_timestamp()		

Bảng Type_products – Lưu thông tin loại sản phẩm, mỗi loại sản phẩm có mã loại (id) phân biệt duy nhất với các loại khác trong bảng.

#	Tên	Kiểu	Bảng mã đối chiếu	Thuộc tính	Null	Mặc định	Ghi chú	Thêm
1	id 🔑	int(10)		UNSIGNED	Không	Không		AUTO_INCREMENT
2	name	varchar(100)	utf8_unicode_ci		Không	Không		
3	description	text	utf8_unicode_ci		Không	Không		
4	image	varchar(255)	utf8_unicode_ci		Không	Không		
5	created_at	timestamp			Có	NULL		
6	updated_at	timestamp			Có	NULL		

Bảng Products – Lưu thông của sản phẩm, mỗi sản phẩm có mã sản phẩm (id) phân biệt duy nhất với các sản phẩm khác trong bảng.

#	Tên	Kiểu	Bảng mã đối chiếu	Thuộc tính	Null	Mặc định	Ghi chú	Thêm
1	id 🔑	int(10)		UNSIGNED	Không	Không		AUTO_INCREMENT
2	name	varchar(100)	utf8_unicode_ci		Có	NULL		
3	id_type 🔑	int(10)		UNSIGNED	Có	NULL		
4	description	text	utf8_unicode_ci		Có	NULL		
5	unit_price	float			Có	NULL		
6	promotion_price	float			Có	NULL		
7	image	varchar(255)	utf8_unicode_ci		Có	NULL		
8	unit	varchar(255)	utf8_unicode_ci		Có	NULL		
9	new	tinyint(4)			Có	0		
10	created_at	timestamp			Có	NULL		
11	updated_at	timestamp			Có	NULL		

Bảng Bill_detail – lưu thông tin chi tiết của đơn đặt hàng, mỗi dòng chi tiết có mã số phân biệt duy nhất với các dòng chi tiết khác trong bảng.

#	Tên	Kiểu	Bảng mã đối chiếu	Thuộc tính	Null	Mặc định	Ghi chú	Thêm
1	id 🔑	int(10)		UNSIGNED	Không	Không		AUTO_INCREMENT
2	id_bill	int(10)			Không	Không		
3	id_product 🔑	int(10)			Không	Không		
4	quantity	int(11)			Không	Không	số lượng	
5	unit_price	double			Không	Không		
6	created_at	timestamp			Không	current_timestamp()		ON UPDATE CURRENT_TIMESTAMP()
7	updated_at	timestamp			Không	current_timestamp()		ON UPDATE CURRENT_TIMESTAMP()

Bảng Users – Lưu thông tin người dùng, mỗi người dùng có 1 mã số phân biệt duy nhất với những người dùng khác trong bảng.

#	Tên	Kiểu	Bảng mã đối chiếu	Thuộc tính	Null	Mặc định	Ghi chú	Thêm
1	id 🔑	int(10)		UNSIGNED	Không	Không		AUTO_INCREMENT
2	full_name	varchar(255)	utf8_unicode_ci		Không	Không		
3	email 🔑	varchar(255)	utf8_unicode_ci		Không	Không		
4	password	varchar(255)	utf8_unicode_ci		Không	Không		
5	phone	varchar(20)	utf8_unicode_ci		Có	NULL		
6	address	varchar(255)	utf8_unicode_ci		Có	NULL		
7	remember_token	varchar(100)	utf8_unicode_ci		Có	NULL		
8	created_at	timestamp			Có	NULL		
9	updated_at	timestamp			Có	NULL		

Bảng Slide – Lưu thông tin các hình cuộn trên màn hình chính của Webiste.

#	Tên	Kiểu	Bảng mã đối chiếu	Thuộc tính	Null	Mặc định	Ghi chú	Thêm
1	id 🔑	int(11)			Không	Không		AUTO_INCREMENT
2	link	varchar(100)	utf8_general_ci		Không	Không		
3	image	varchar(100)	utf8_general_ci		Không	Không		

3/ Khai báo sử dụng CSDL liệu trong Laravel

Mở file .env trong Laravel và khai báo theo code sau:

```
DB_CONNECTION=mysql
DB_HOST=127.0.0.1
DB_PORT=3306
DB_DATABASE=db_banhang
DB_USERNAME=root
DB_PASSWORD=
```

Gõ vào tên CSDL đã tạo ở trên

Mở file **Config\Database.php** và chỉnh **Charset** và **Collation** theo đúng csdl db_banhang

```
'mysql' => [
    'driver' => 'mysql',
    'url' => env('DATABASE_URL'),
    'host' => env('DB_HOST', '127.0.0.1'),
    'port' => env('DB_PORT', '3306'),
    'database' => env('DB_DATABASE', 'forge'),
    'username' => env('DB_USERNAME', 'forge'),
    'password' => env('DB_PASSWORD', ''),
    'unix_socket' => env('DB_SOCKET', ''),
    'charset' => 'utf8',
    'collation' => 'utf8_general_ci',
    'prefix' => '',
    'prefix_indexes' => true,
    'strict' => true,
    'engine' => null,
    'options' => extension_loaded('pdo_mysql') ? array_filter([
        PDO::MYSQL_ATTR_SSL_CA => env('MYSQL_ATTR_SSL_CA'),
    ]) : [],
],
```

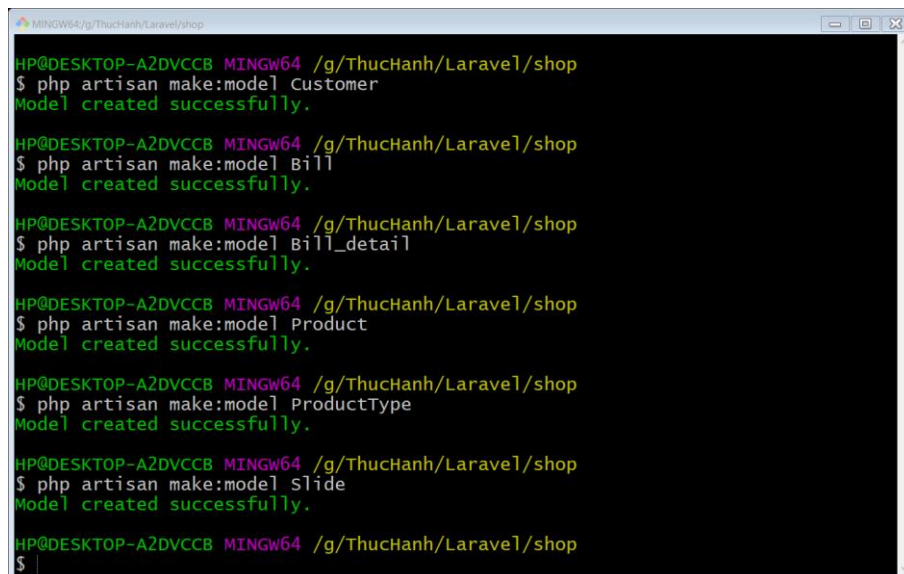
Mở file **Config/app.php** và khai báo múi giờ như sau:

```
'timezone' => 'asia/Ho_Chi_Minh',
```

4/ Tạo Model, liên kết các model

➤ Tạo Model bằng lệnh: Mở cửa sổ Cmd và gõ lệnh:

php artisan make:model <model_name>



```
HP@DESKTOP-A2DVCCB MINGW64 /g/ThucHanh/Laravel/shop
$ php artisan make:model Customer
Model created successfully.

HP@DESKTOP-A2DVCCB MINGW64 /g/ThucHanh/Laravel/shop
$ php artisan make:model Bill
Model created successfully.

HP@DESKTOP-A2DVCCB MINGW64 /g/ThucHanh/Laravel/shop
$ php artisan make:model Bill_detail
Model created successfully.

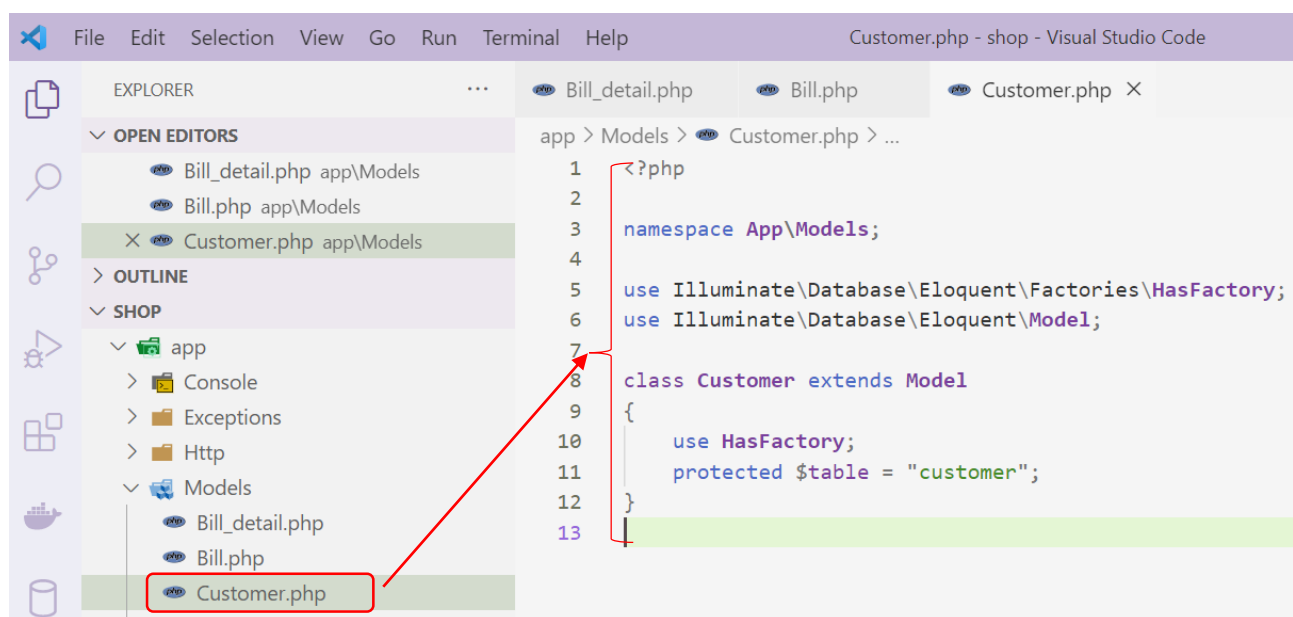
HP@DESKTOP-A2DVCCB MINGW64 /g/ThucHanh/Laravel/shop
$ php artisan make:model Product
Model created successfully.

HP@DESKTOP-A2DVCCB MINGW64 /g/ThucHanh/Laravel/shop
$ php artisan make:model ProductType
Model created successfully.

HP@DESKTOP-A2DVCCB MINGW64 /g/ThucHanh/Laravel/shop
$ php artisan make:model Slide
Model created successfully.

HP@DESKTOP-A2DVCCB MINGW64 /g/ThucHanh/Laravel/shop
$
```

➤ Khai báo các Models gắn với các bảng tương ứng: **protected \$table = "table_name"** ;



Tương tự khai báo cho các Model khác

Khai báo quan hệ giữa các Model

- Một loại sản phẩm có nhiều sản phẩm và một sản phẩm chỉ thuộc 1 loại sản nào đó.
- Một sản phẩm được hiển thị ở nhiều chi tiết của đơn đặt hàng nào đó và 1 chi tiết chỉ có sản phẩm nào đó.
- Một đơn đặt hàng có nhiều chi tiết đặt hàng và 1 chi tiết chỉ thuộc 1 đơn đặt hàng nào đó.
- Một khách hàng có nhiều đơn đặt hàng và 1 đơn đặt hàng chỉ thuộc 1 khách hàng nào đó.

Thực hiện:

➤ Mở Model ProductType

```
class ProductType extends Model
{
    use HasFactory;

    protected $table = "type_product";

    public function product()
    {
        return $this->hasMany("App\Product", "id_type", "id");
    }
}
```

➤ Mở Model Customer

```
class Customer extends Model
{
    use HasFactory;
    protected $table = "customer";

    public function bill()
    {
        return $this->hasMany("App\Bill", "id_customer", "id");
    }
}
```

➤ Mở Model Product

```
class Product extends Model
{
    use HasFactory;

    protected $table = "products";

    public function product_type()
    {
        return $this->belongsTo("App\ProductType", "id_type", "id");
    }

    public function bill_detail()
    {
        return $this->hasMany("App\Bill_detail", "id_product", "id");
    }
}
```

➤ Mở Model Bill_detail

```
class Bill_detail extends Model
{
    use HasFactory;
    protected $table = "bill_detail";

    public function product()
    {
        return $this->belongsTo("App\Product", "id_product", "id");
    }

    public function bill()
    {
        return $this->belongsTo("App\Bill", "id_bill", "id");
    }
}
```

➤ Mở Model Bill

```
class Bill extends Model
{
    use HasFactory;
    protected $table = "bills";

    public function bill_detail()
    {
        return $this->hasMany("App\Bill_detail", "id_bill", "id");
    }

    public function customer()
    {
        return $this->belongsTo("App\Customer", "id_customer", "id");
    }
}
```

5/ Tạo trang chung và Cắt Layout Trang Chủ

Bước 01: Download **Template.rar** trong Classroom về máy và giải nén tập tin ở thư mục làm bài đồ án.

Bước 02: thực hiện tiếp các công việc sau:

- Sao chép thư mục assets trong thư mục source vào thư mục resources của Laravel.
- Sao chép thư mục image trong thư mục source vào thư mục resources của Laravel.
- Tìm 4 hình Banner liên quan đến sản phẩm mà sinh viên chọn làm đồ án, tải về đặt tên theo thứ tự **Banner01.jpg, Banner02.jpg,...** chép vào thư mục **image/slide**

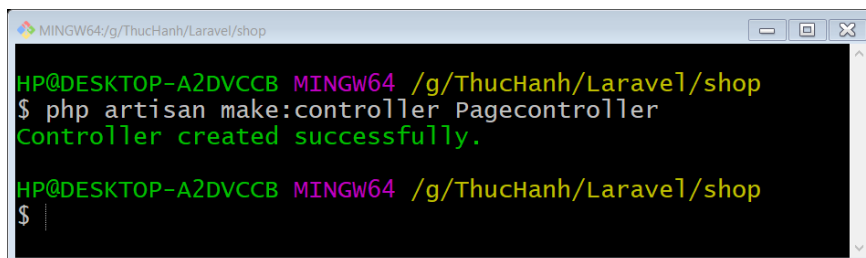
Bước 03: Trong thư mục **views** của Laravel tạo thư mục mới tên là **layouts** và trong thư mục Layouts tạo 1 view tên là **master.blade.php** và mở file **index.html** trong thư mục source rồi sao chép toàn bộ code của nó sang **master.blade.php**.

Bước 04: Hiệu chỉnh đường dẫn trong file master.

- Thêm thẻ **<base href="{{asset('')}}" />** ngay phía dưới thẻ **Title**.
- Thêm **"resources/"** vào trước các đường dẫn đến file **css, js** và **hình ảnh** trong trang.

Bước 05: Tạo 1 controller tên là PageCongtroller bằng lệnh:

php artisan make:controller PageController



Bước 06: Tạo 1 folder mới trong views tên là **page**, trong folder page tạo một view tên là **trangchu.blade.php**.

Bước 07: Mở trang **master.blade.php**, chọn từ thẻ **<div class= "rev-slider"> ... </div>** đến **<div class= "container"> ... </div>** và paste sang **trangchu.blade.php** và sửa code lại như sau:

```
@extends("master")
@section("content")
<div class="rev-slider">...
</div>
<div class="container">...
</div> <!-- .container -->
@endsection
```

Sửa lại thành @extends ("layout.master")

Bước 08: Mở trang [master.blade.php](#), chọn cắt phần header vào trang [header.blade.php](#) và cắt phần footer vào trang [footer.blade.php](#).

➤ header.blade.php

```
<div id="header">...
</div> <!-- #header -->
```

➤ footer.blade.php

```
<div id="footer" class="color-div">...
</div> <!-- #footer -->
<div class="copyright">...
</div> <!-- .copyright -->
```

Bước 09: hiệu chỉnh code file master.blade.php như sau:

```
<body>
    @include("header")
    @yield("content")
    @include("footer")
```

Bước 10: Mở file [Pagecontroller.php](#), tạo function truy cập trang chủ:

```
class Pagecontroller extends Controller
{
    //test
    public function getIndex()
    {
        return view("page.trangchu");
    }
}
```

Và vào [routes/web.php](#):

```
<?php

use Illuminate\Support\Facades\Route;
use App\Http\Controllers\Pagecontroller;

/*
|-----
| Web Routes
|-----
|
| Here is where you can register web routes for your application. These
| routes are loaded by the RouteServiceProvider within a group which
| contains the "web" middleware group. Now create something great!
|
*/

Route::get('/', function () {
    return view('welcome');
});

Route::get("/index",[Pagecontroller::class, "getIndex"]);
```